TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07/03/2018
" *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Lân
2. Ông Đinh Công Thể

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 03 năm 2018 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 326/2017/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2017 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị T , sinh năm 1993 - *Có mặt*

Trú tại: Đội A, thôn B, xã C, huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V , sinh năm 1988 - *Có mặt*

Trú tại: Số 44 thôn B, xã C, huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Tạ Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã EaMNang, huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk ngày 14/10/2016. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị và anh V không hòa hợp tính nết, anh V không biết tự lập, trong khi vợ chồng gặp khó khăn về kinh tế thì anh V không lo làm ăn mà chỉ phụ thuộc

kinh tế vào bố mẹ. Hơn nữa anh V không quan tâm đến vợ con, từ khi chị T sinh con đến nay anh V không có trách nhiệm, để một mình chị chăm sóc con cái. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi vã, những mâu thuẫn này gia đình hai bên, hàng xóm ai cũng biết và cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả nên quan hệ thông gia giữa gia đình chị và gia đình anh V ngày càng xấu đi. Từ tháng 06 năm 2017 đến nay vợ chồng chị T không chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau nữa, nguyện vọng của chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị T, anh V có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 19/8/2016. Nguyện vọng của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung anh V đồng ý với lời khai của chị Tạ Thị T. Về mâu thuẫn gia đình anh thừa nhận giữa anh và chị T không hợp tính nết, bất đồng quan điểm sống từ những công việc nhỏ nhặt nhất trong gia đình dẫn đến gây gổ, cãi nhau. Trong thời gian chung sống vợ chồng anh V ở với bố mẹ của anh nên còn phụ thuộc kinh tế vào bố mẹ. Tuy nhiên, bố mẹ anh luôn chu cấp đầy đủ cho con cháu nên vợ chồng không phải lo lắng gì về kinh tế. Tháng 06 năm 2017 (âm lịch) anh V và bố mẹ bận công việc phải ra ngoài, chị T ở nhà không nấu cơm nên anh V gọi điện về mắng, vợ chồng anh chị cãi nhau qua lại nên chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay. Trong suốt thời gian ly thân vợ chồng anh chị không nói chuyện với nhau. Cuối năm 2017, chính quyền địa phương có mời anh đến để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không tham gia hòa giải vì anh không muốn hòa giải. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh V không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị T và còn thương con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày: 19/8/2016 cho chị Tạ Thị T chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM’gar.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Tạ Thị T và anh Nguyễn Văn V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 14/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã EaMNang, huyện CưM’Gar, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh V thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị T và anh V không hòa hợp tính nết dẫn đến cãi vã, mặt khác mặc dù gặp khó khăn về kinh tế nhưng anh V không có ý thức tự lập mà vẫn phụ thuộc kinh tế vào bố mẹ nên mâu thuẫn về kinh tế của anh chị ngày càng trầm trọng hơn. Chị T và anh V thừa nhận từ tháng 06 năm 2017 đến nay không chung sống với nhau nữa. Như vậy, mặc dù cuộc sống chung không còn tồn tại trong khoảng thời gian dài nhưng cả chị T và anh V không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như vậy, hôn nhân của chị T, anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn Tạ Thị T, cho chị T ly hôn với anh V. Không chấp nhận ý kiến xin đoàn tụ của anh V.

Về con chung: Chị T và anh V có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 19/8/2016. Chị T và anh V cùng có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy cháu M hiện dưới 36 tháng tuổi, chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu và đang trong thời gian nuôi con bằng sữa mẹ, cháu M lại là con gái nên cần giao cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện tốt cho cháu phát triển. Mặt khác, xét thu nhập, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc của chị T và anh V thì chị T có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Nguyễn Ngọc Diễm M cho chị Tạ Thị T nuôi dưỡng đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Không chấp nhận yêu cầu được nuôi con của anh V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Tạ Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị T;

Chị Tạ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Diễm M, sinh ngày 19/8/2016 cho chị Tạ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Tạ Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001892 ngày 11/12/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM’gar;
- Thi hành án dân sự CưM’gar;
- UBND xã EaMNang;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Diệu